

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TDM
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TDM, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Minh Lý**.
2. Ông **Võ Hùng Dương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Châu Thị Hoài Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TDM tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Kim Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bình Phước.
Có đơn xin vắng mặt
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường TA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Thu N là N đơn trình bày: Bà N và ông Nguyễn Văn Ng tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 11/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ng ham chơi, nhậu

nhệt, không quan tâm gia đình, làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông Ng sửa đổi tính tình để vợ chồng cùng nhau chăm lo cho các con, nhưng ông Ng vẫn không thay đổi. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 28/11/2014; không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Ng tại nơi cư trú, lý do ông Ng thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Tân An xác định ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại số A đường B, tổ C, khu phố D, phường TA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Ng theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Tân An và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TDM đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Ng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Ngày 26/5/2020, bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ng về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/5/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Ng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Văn Ng tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Bình Phước; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển 01 ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà N và ông Nguyễn Văn Ng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ng ham chơi, nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bà N phải tự quán xuyến kinh tế trong gia đình, nuôi dạy các con. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay, bà N và ông Ng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, bà N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Ng. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông Ng không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông Ng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Nguyễn Văn Ng là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 28/11/2014. Xét thấy, cháu T và cháu K hiện đang sống ổn định với bà N từ khi bà N và ông Ng không còn chung sống với nhau. Bà N có công việc ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, quá trình làm việc, cháu T trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Thu N trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T và Nguyễn Đăng K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ng về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ng.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 28/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BB/2017 - 0009866 quyền số 0198 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. N đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. TDM;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- UBND thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung